TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2017
V/v tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2017 về tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 304, khu vực KB, phường PT, quận CR, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Thanh P – Luật sư của Văn phòng Luật sư Quách P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp VN, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn N, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp VN, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc G trình bày: Chị và chồng là anh Lê Văn T tự tìm hiểu, quen biết nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2009, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn và

được Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 145/2011, quyển số 01/2011 ngày 22/9/2011. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt chi tiêu gia đình, vợ chồng thường hay cãi nhau. Chị đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ sinh sống và vợ, chồng đã ly thân cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 và Lê Hoàng Trọng T, sinh ngày 26/01/2013. Khi bỏ đi về Cần Thơ sinh sống chị có dắt theo hai cháu để nuôi dưỡng. Đến năm 2016, anh T tự ý đến bắt hai cháu đem về giao cho ông Lê Văn N là ông nội của hai cháu nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh T;

- Về con chung: Buộc ông N và anh T phải giao lại cháu Lê Hoàng Trọng T, sinh ngày 26/01/2013 cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị G rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, chị chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Trọng Trí, giao cháu Lê Ngọc Huỳnh N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn T đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày: Ông là cha ruột của anh T và là cha chồng của chị G, anh T và chị G cưới nhau vào năm 2009, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc và đi làm ăn xa không có ở chung với ông. Tháng 4/2010, chị G có về nhà của ông sinh sống khoảng 02 tháng để sinh cháu Lê Ngọc Huỳnh N, sau đó thì tiếp tục bỏ đi làm ăn. Nay, chị G xin ly hôn với anh T theo ông là rất tốt cho cả hai vì anh, chị đã ly thân khoảng 02 năm nay. Theo ông được biết anh, chị không có tài sản chung và nợ chung. Anh T và chị G có hai đứa con chung, vào khoảng năm 2016, anh T mang cả hai cháu về giao cho ông nuôi dưỡng để đi làm ăn xa. Anh T chỉ về dịp lễ hoặc tết được 01 hoặc 02 ngày rồi bỏ đi tiếp. Quá trình nuôi dưỡng 02 cháu, T có gửi tiền về được khoảng 7 – 8 lần, mỗi lần khoảng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, có lần cao nhất được 3.000.000 đồng đưa cho ông nuôi hai cháu. Hiện nay ông sống bằng nghề làm thuê, ai thuê gì làm nấy, do tuổi cao nên cũng ít người thuê, thu nhập khoảng 200.000 đồng /ngày, ông không có đất ruộng cũng như đất rẫy. Ông không đồng ý giao hai cháu Lê Ngọc Huỳnh N và cháu Lê Hoàng Trọng T cho chị G nuôi dưỡng do chưa được sự đồng ý của T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2017, cháu Lê Ngọc Huỳnh N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha nếu cha, mẹ ly hôn.

Tại bài phát biểu tranh luận ngày 14/11/2017, ông Quách Thanh P có ý kiến: Chị G và anh T có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống đến cuối năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu sinh hoạt gia đình. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét cho chị G được ly hôn với anh T. Về con chung: Trong đơn khởi kiện chị G yêu cầu được nuôi cả hai, tại phiên tòa hôm nay chị rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu được nuôi cháu Trí, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Trí hiện còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, chị G hiện có nghề nghiệp, thu nhập ổn định hơn 6.000.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi còn nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu này của chị G.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định, tuy nhiên đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần trong suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định; người tham gia tố tụng khác là luật sư Quách Thanh P tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn. Bị đơn được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ vẫn không có mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Hôn nhân giữa anh T, chị G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2015 cho đến nay. Trong khoản thời gian anh chị mâu thuẫn không tự hàn gắn. Về con chung: Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 và Lê Hoàng Trọng T, sinh ngày 26/01/2013, hiện 02 con đang sống với ông nội là ông Lê Văn N, đồng thời bị đơn không trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con là của cha mẹ. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân và nuôi con chung là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về nuôi con, mặc khác, cháu N có nguyện vọng sống chung với cha nên đề nghị HĐXX xem xét cho cháu cuộc sống ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp Vàm Nao, xã Tân Trung, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Tại phiên Tòa chị G rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu được nuôi cháu Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu của chị G theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị G có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu được nuôi cháu Như theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông N có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông P là người bảo vệ quyền, lợi ích của chị G vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên ông có gửi bản bài phát biểu tranh luận ngày 14/11/2017 đến phiên tòa và có yêu cầu được vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T kết hôn vào năm 2009 và đã đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ, quận Cái Răng nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị G yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Chị G xác định chị và anh T có hai đứa con chung tên Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 và cháu Lê Hoàng Trọng T, sinh ngày 26/01/2013, sau khi ly thân do chị nuôi dưỡng sau đó đên năm 2016 anh T tự ý bắt về giao cho ông N nuôi dưỡng cho đến nay. Chị G có yêu cầu được nuôi cháu Lê Hoàng Trọng T nhưng ông N không đồng ý cho rằng cần phải có sự đồng ý của anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2017, cháu Lê Ngọc Huỳnh N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha nếu cha, mẹ ly hôn. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình khi xem xét việc nuôi con chung phải xem xét đến nguyện vọng của con đã đủ 7 tuổi, đồng thời tại phiên tòa chị G chỉ yêu cầu được nuôi cháu T, rút lại yêu cầu được nuôi cháu N là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Bên cạnh đó, ông N tuổi đã cao, không có việc làm và thu nhập ổn định, tạm thời ông có đủ khả năng nuôi dưỡng cả 02 cháu nhưng nếu về lâu dài khi các cháu lớn lên sẽ không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục tốt nhất cho hai cháu. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của hai cháu Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu T lại cho chị G nuôi dưỡng.

Anh T, chị G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của chị G được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016015 ngày 29/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 218; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Lê Văn T.

2/. Về con chung:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện được nuôi cháu Lê Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 06/4/2010 của chị Nguyễn Ngọc G.

Giao cháu Lê Hoàng Trọng T, sinh ngày: 26/01/2013 cho chị G nuôi dưỡng.

Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh T và chị G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016015 ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện PT, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.